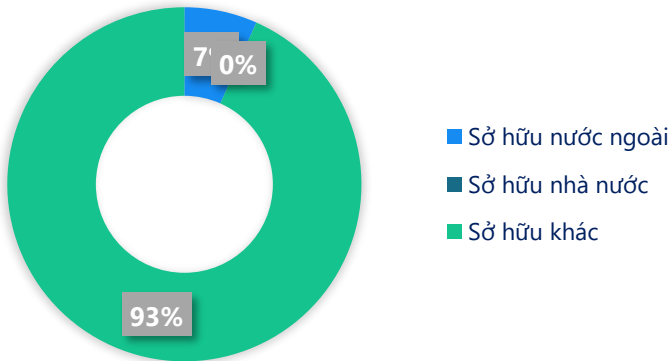


| Thông tin giao dịch     |  | 31/12/2025  |
|-------------------------|--|-------------|
| Giá hiện tại (VNĐ)      |  | 209,000     |
| Cao nhất 52 tuần (VNĐ)  |  | 219,100     |
| Thấp nhất 52 tuần (VNĐ) |  | 79,100      |
| SL cổ phiếu LH          |  | 591,611,334 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP)   |  | 2,541,175   |
| % sở hữu nước ngoài     |  | 6.7%        |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)    |  |             |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ)        |  | 123,647     |
| P/E                     |  | 58.3        |
| EPS                     |  | 3,588       |

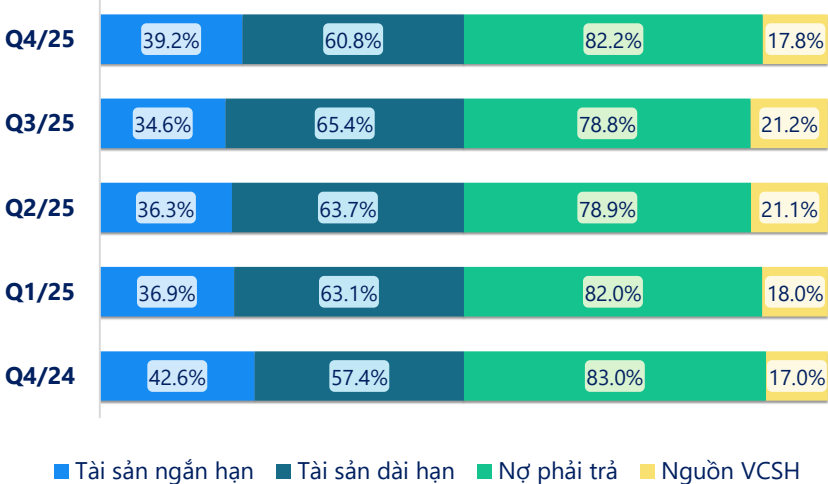
|         | YTD    | 1T   | 3T    | 6T     |
|---------|--------|------|-------|--------|
| VJC     | 109.2% | 1.5% | 56.7% | 120.0% |
| VNINDEX | 40.5%  | 2.7% | 5.9%  | 26.1%  |

Cơ cấu sở hữu



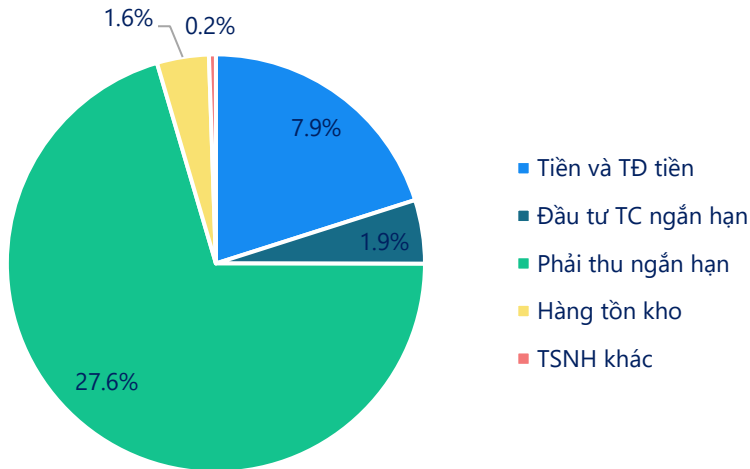
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

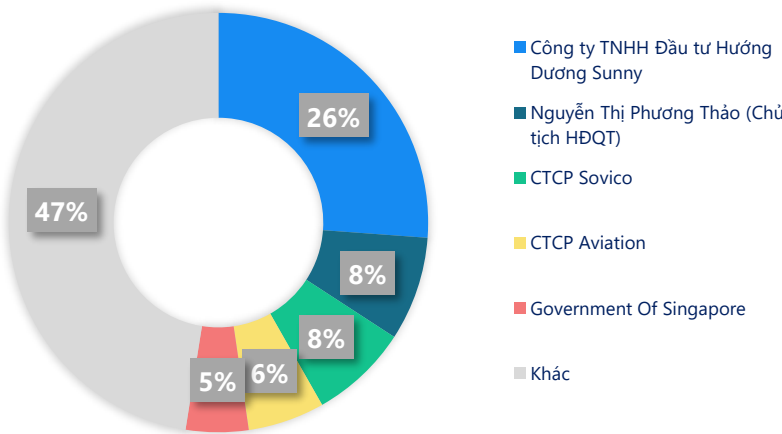
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q4/25

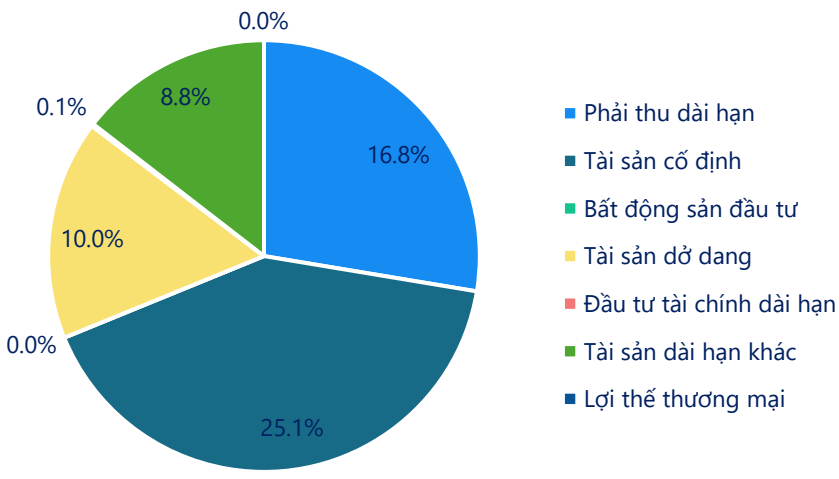
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



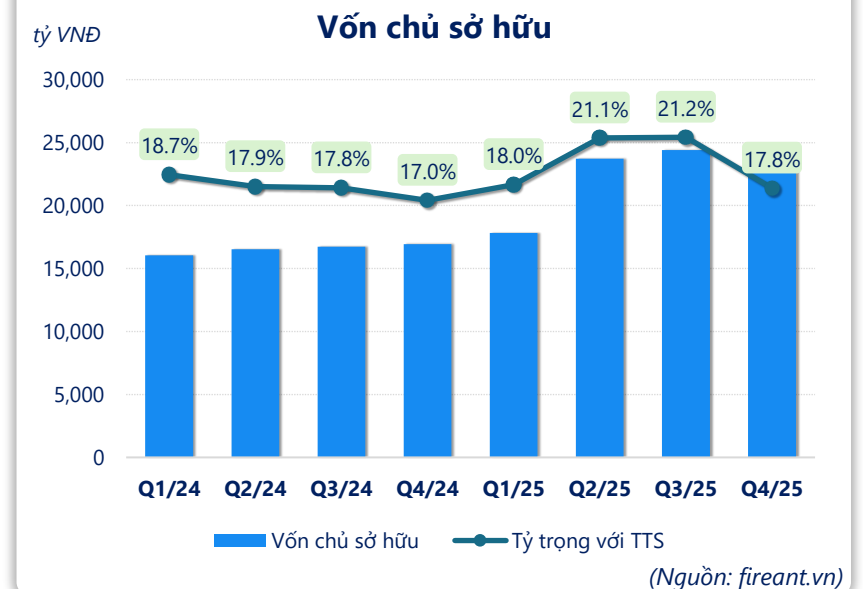
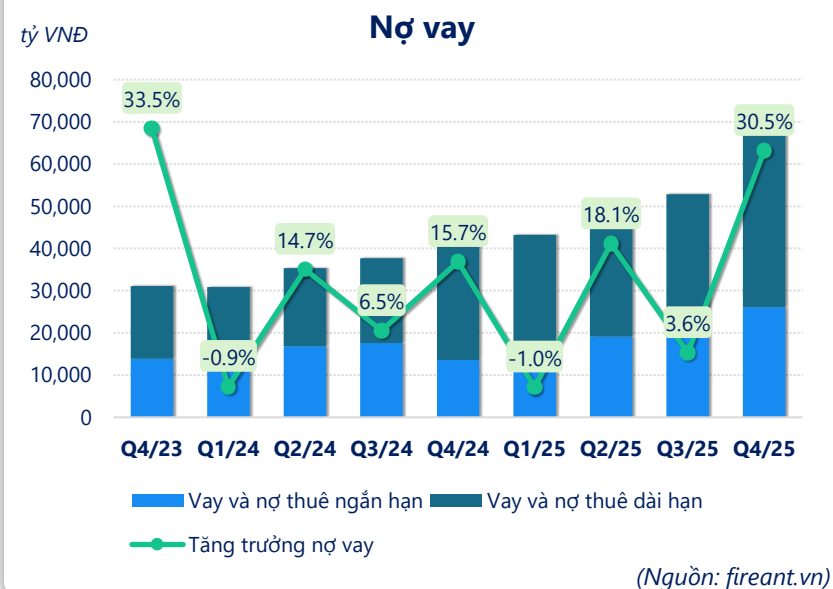
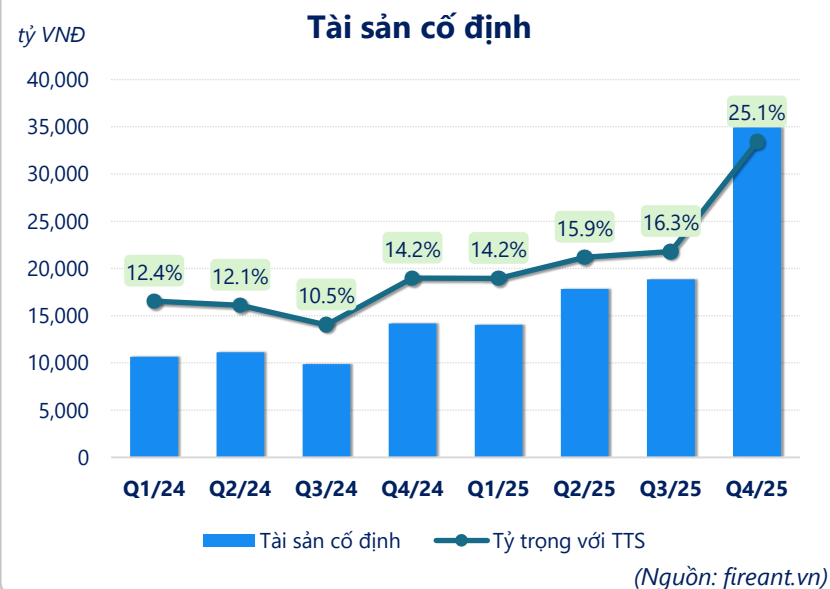
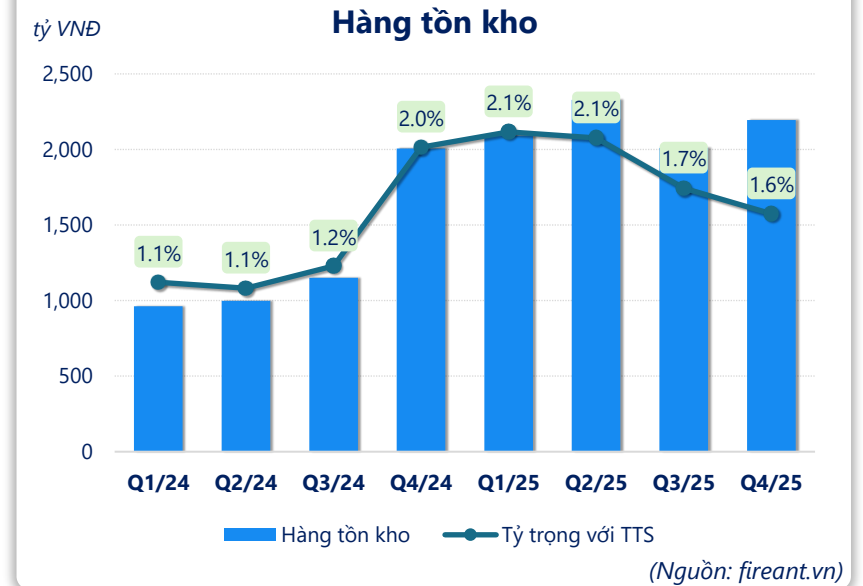
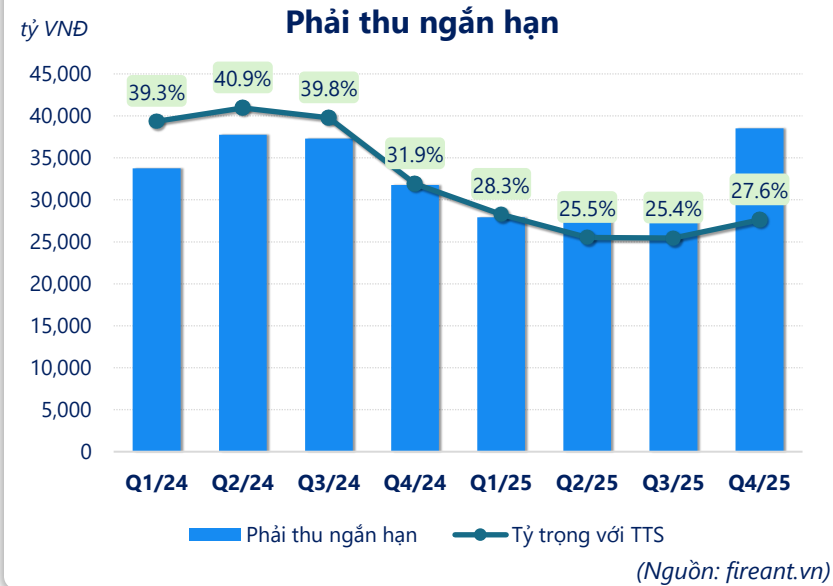
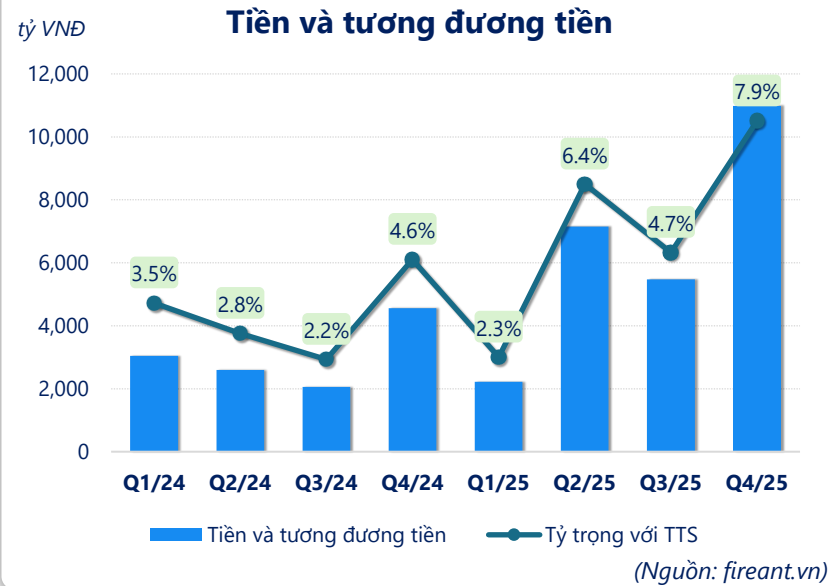
(Nguồn: fireant.vn)

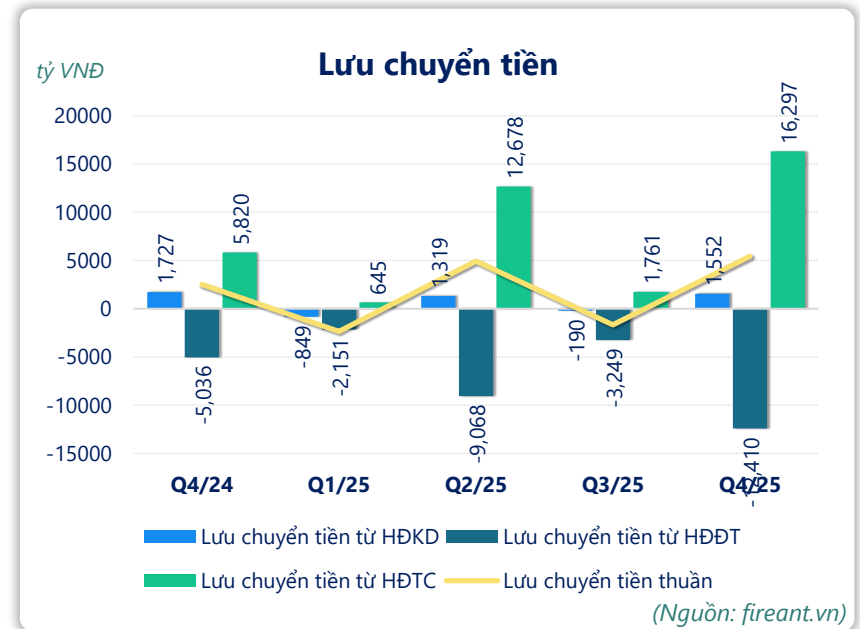
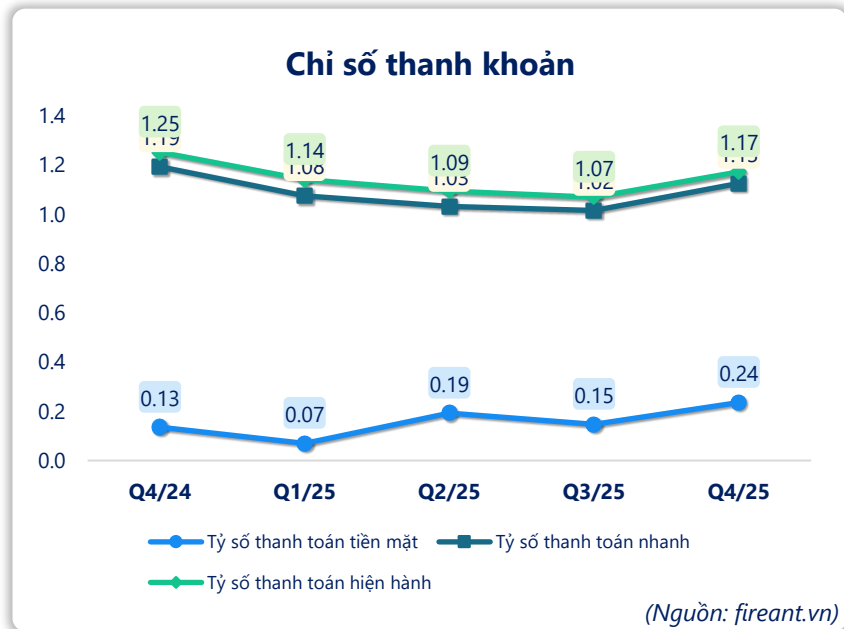
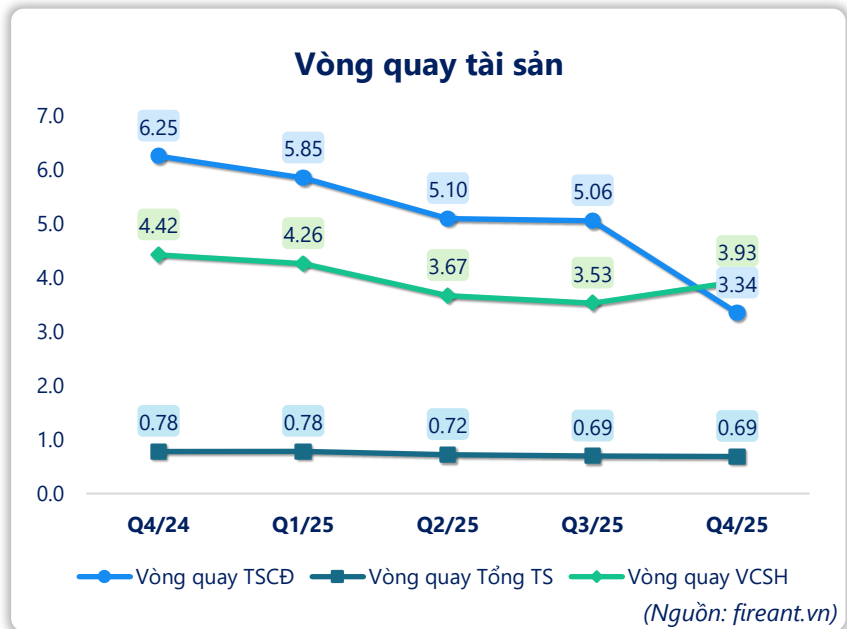
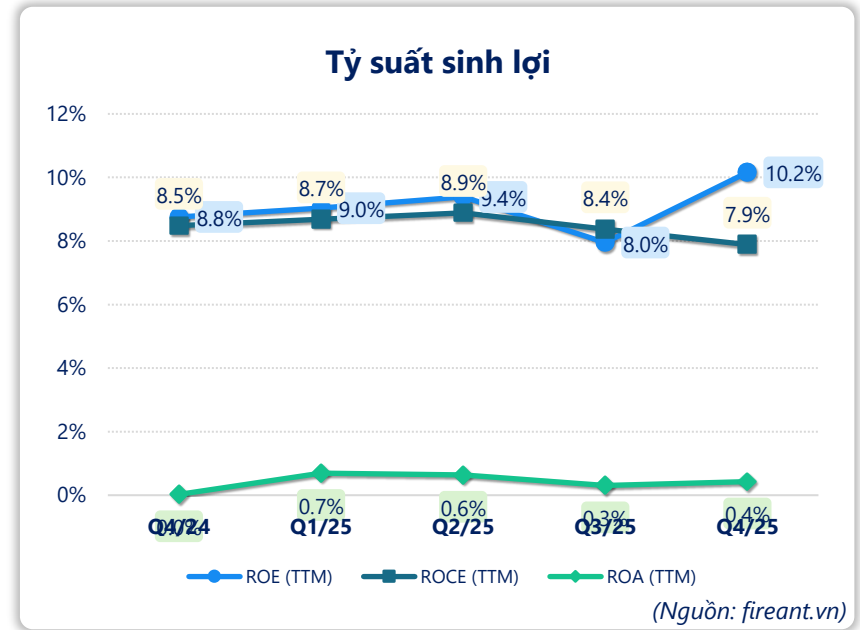
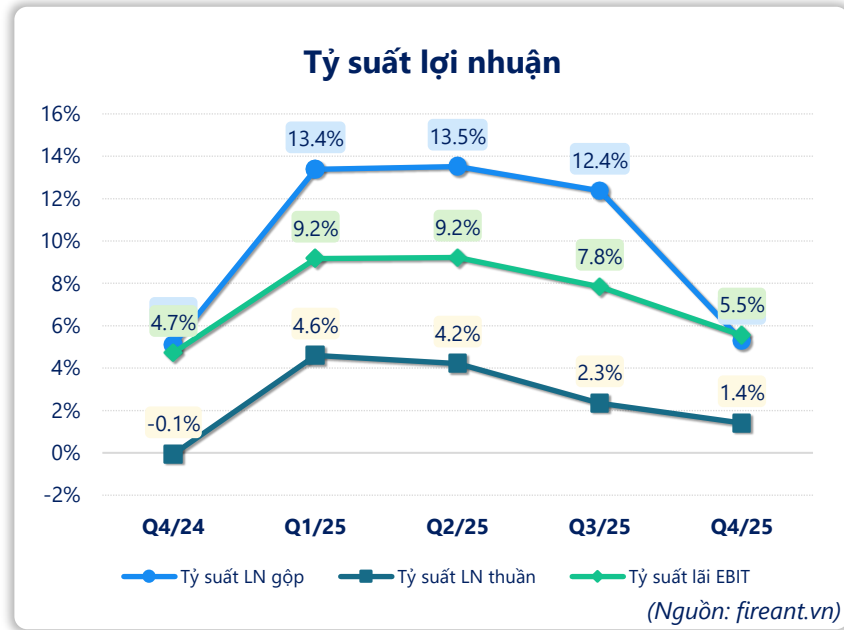
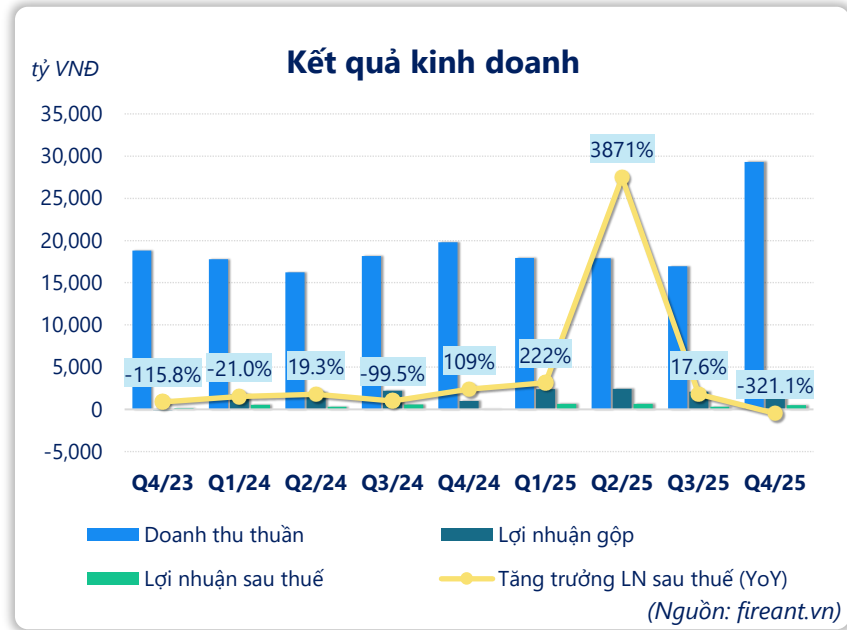
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)





| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN<br>(tỷ VNĐ) | Tại ngày<br>31/12/2025 | Tại ngày<br>31/12/2024 | Thay đổi     |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|--------------|
| <b>Tổng tài sản</b>         | <b>139,459</b>         | <b>99,315</b>          | <b>40.4%</b> |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>     | <b>54,676</b>          | <b>38,578</b>          | <b>41.7%</b> |
| Tiền và tương đương tiền    | 10,987                 | 4,559                  | 141%         |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn   | 2,698                  | 3,826                  | -29.5%       |
| Phải thu ngắn hạn           | 38,504                 | 27,945                 | 37.8%        |
| Hàng tồn kho                | 2,194                  | 2,005                  | 9.4%         |
| Tài sản ngắn hạn khác       | 294                    | 242                    | 21.4%        |
| <b>Tài sản dài hạn</b>      | <b>84,782</b>          | <b>60,738</b>          | <b>39.6%</b> |
| Phải thu dài hạn            | 23,415                 | 35,106                 | -33.3%       |
| Tài sản cố định             | 34,938                 | 14,166                 | 147%         |
| Bất động sản đầu tư         | 0                      | 0                      |              |
| Tài sản dở dang             | 13,968                 | 1,528                  | 814%         |
| Đầu tư tài chính dài hạn    | 149                    | 149                    | 0.0%         |
| Tài sản dài hạn khác        | <b>12,312</b>          | <b>9,788</b>           | <b>25.8%</b> |
| Lợi thế thương mại          | 0                      | 0                      |              |
| <b>Nợ phải trả</b>          | <b>114,608</b>         | <b>82,197</b>          | <b>39.4%</b> |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>          | <b>46,631</b>          | <b>33,506</b>          | <b>39.2%</b> |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn     | 26,056                 | 12,460                 | 109%         |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 4,769                  | 6,195                  | -23.0%       |
| <b>Nợ dài hạn</b>           | <b>67,977</b>          | <b>48,690</b>          | <b>39.6%</b> |
| Vay và nợ thuê dài hạn      | 42,944                 | 30,052                 | 42.9%        |
| <b>Nguồn vốn chủ sở hữu</b> | <b>24,850</b>          | <b>17,119</b>          | <b>45.2%</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>       | <b>24,850</b>          | <b>17,119</b>          | <b>45.2%</b> |
| Vốn điều lệ                 | 5,916                  | 5,416                  | 9.2%         |
| <b>Kinh phí và quỹ khác</b> | <b>0</b>               | <b>0</b>               |              |

(Nguồn: fireant.vn)

| KẾT QUẢ KINH DOANH<br>(tỷ VNĐ) | Q4/24  | Q1/25  | Q2/25  | Q3/25  | Q4/25  |
|--------------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|
| <b>Doanh thu thuần</b>         | 19,797 | 17,952 | 17,885 | 16,931 | 29,324 |
| Giá vốn hàng bán               | 18,787 | 15,548 | 15,468 | 14,836 | 27,772 |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>           | 1,010  | 2,404  | 2,417  | 2,096  | 1,553  |
| Doanh thu HĐTC                 | 691    | 406    | 896    | 366    | 1,105  |
| Chi phí TC                     | 560    | 1,143  | 1,474  | 1,196  | 502    |
| <b>Chi phí lãi vay</b>         | 826    | 810    | 834    | 928    | 1,047  |
| LN trong công ty LKLD          | 0      | 0      | 0      | 0      | 0      |
| Chi phí bán hàng               | 645    | 568    | 616    | 631    | 592    |
| Chi phí QLDN                   | 508    | 273    | 469    | 238    | 1,152  |
| <b>LN thuần từ HĐKD</b>        | -12.3  | 825    | 755    | 397    | 412    |
| Lợi nhuận khác                 | 121    | 11.1   | 60.1   | 2.95   | 167    |
| <b>LN trước thuế</b>           | 108    | 836    | 815    | 400    | 579    |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>      | 21.4   | 641    | 653    | 320    | 509    |
| <b>LNST của CĐ cty mẹ</b>      | 23.4   | 640    | 652    | 319    | 510    |

(Nguồn: fireant.vn)

| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ<br>(tỷ VNĐ) | Q4/24        | Q1/25         | Q2/25        | Q3/25         | Q4/25        |
|--------------------------------|--------------|---------------|--------------|---------------|--------------|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD        | 1,727        | -849          | 1,319        | -190          | 1,552        |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT        | -5,036       | -2,151        | -9,068       | -3,249        | -12,410      |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC        | 5,820        | 645           | 12,678       | 1,761         | 16,297       |
| Tiền đầu kỳ                    | 2,061        | 4,559         | 2,224        | 7,149         | 5,470        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần</b>   | <b>2,512</b> | <b>-2,354</b> | <b>4,930</b> | <b>-1,678</b> | <b>5,439</b> |
| Ảnh hưởng tỷ giá               | -14.1        | 19.5          | -5.03        | 0.18          | 77.4         |
| Tiền cuối kỳ                   | 4,559        | 2,224         | 7,149        | 5,470         | 10,987       |

(Nguồn: fireant.vn)